

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 31/3/2022  
V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Chí Cường.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Phương Châu.

2. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 502/2021/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 139, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:*

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 139, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2021, bản khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 02/12/2021, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L có lời trình bày:*

Nguyên vào năm 1995, qua thời gian tìm hiểu và được sự cho phép của gia đình hai bên bà và ông Nguyễn Văn V tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/9/1996. Quá trình chung sống sau kết hôn có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bé T, sinh ngày 02/9/1992 đã thành niên. Sau khi kết hôn hai người sống chung với nhau hạnh phúc, vui vẻ, không có gì mâu thuẫn do còn hợp ý nhau. Thế nhưng

từ đầu năm 2021, giữa bà và ông V phát sinh mâu thuẫn với nhau, hai bên không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn và hai người đã sống ly thân từ đó. Hiện tại hai bên đã tìm nhiều biện pháp khắc phục, sửa chữa nhưng không có kết quả, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Vì vậy nay bà làm đơn này yêu cầu Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn V. Bà tự lao động nuôi sống được bản thân vì vậy bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho bà sau khi ly hôn.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Bé T, sinh ngày 02/9/1992, đã thành niên, có khả năng tự lao động và nuôi sống được bản thân vì vậy bà không có yêu cầu giải quyết con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Ông Nguyễn Văn V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án vì vậy không có lời trình bày.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của nguyên đơn, bị đơn đã đến mức trầm trọng; cả hai sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn; về con chung, đã trưởng thành có khả năng tự lao động và nuôi sống được bản thân đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn trình bày không có vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

Bị đơn trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/9/1996 và đã nhận được giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn, thời gian sống chung với nhau lúc ban đầu có hạnh phúc tuy nhiên từ khoảng đầu năm 2021 đến nay thì hai người phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng mà nguyên nhân là do giữa bà L và ông

V không còn hợp nhau, hai bên không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn và hai người đã sống ly thân từ đó; hiện tại hai bên dù đã tìm nhiều biện pháp khắc phục, sửa chữa nhưng không có kết quả; nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng với bị đơn không còn nên yêu cầu được ly hôn, bị đơn không có mặt để trình bày ý kiến đồng ý hay không đồng ý mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ phiên hòa giải với mục đích là hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm, quan hệ giữa vợ chồng cho hai bên tuy nhiên nguyên đơn cương quyết ly hôn và có ý kiến đề nghị không cần hòa giải, bị đơn cũng không tự nguyện đến Tòa án theo thông báo của Tòa án để giải quyết nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ vợ chồng. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho nguyên đơn sau khi ly hôn là do sự tự nguyện cần được Hội đồng xét xử ghi nhận; đối với bị đơn do không đến Tòa án để trình bày có yêu cầu cấp dưỡng hay không vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Theo nguyên đơn trình bày, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bé T, sinh ngày 02/9/1992, hiện đã thành niên, có khả năng tự lao động và nuôi sống được bản thân vì vậy bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung là phù hợp.

Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là phù hợp với việc đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuy nhiên nguyên đơn là người cao tuổi được miễn án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Ghi nhận bà Huỳnh Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Văn V cấp dưỡng cho bà sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh ngày 02/9/1992, hiện đã thành niên, có khả năng tự lao động và nuôi sống được bản thân.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- Đương sự
- UBND xã P, huyện C;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Chí Cường**

Thành viên Hội đồng xét xử      Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Đoàn Thị Ngọc Hân    Bùi Phương Châu      Đào Chí Cường**